

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ
THƯƠNG MẠI**

Báo cáo tài chính

*Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét*

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy.

Trụ sở chính của Công ty: Số 01 Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch
Ông Cao Minh Tuấn	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
-----------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 07 năm 2012

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 16 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		51.362.085.976	47.915.563.737
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.988.369.441	21.055.054.619
111	1. Tiền		5.988.369.441	4.055.054.619
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.507.199.032	11.586.526.333
131	1. Phải thu của khách hàng		6.627.937.870	4.705.606.898
132	2. Trả trước cho người bán		25.064.832.792	-
135	5. Các khoản phải thu khác	4	200.000	7.066.691.065
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(185.771.630)	(185.771.630)
140	IV. Hàng tồn kho	5	10.468.086.043	13.531.663.667
141	1. Hàng tồn kho		10.468.086.043	13.531.663.667
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.398.431.460	1.742.319.118
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.019.031.536	23.780.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.350.408.686	448.677.713
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	413.279.179	340.238.723
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	615.712.059	929.622.682
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.812.576.510	201.007.872.805
220	II. Tài sản cố định		194.798.376.510	200.713.355.133
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	184.624.085.889	193.351.267.073
222	- Nguyên giá		268.728.363.825	268.705.417.825
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(84.104.277.936)	(75.354.150.752)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.282.609.900	7.282.609.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.313.900)	(27.313.900)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.918.994.621	106.792.060
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.200.000	294.517.672
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	280.317.672
268	3. Tài sản dài hạn khác		14.200.000	14.200.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		246.174.662.486	248.923.436.542

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		163.859.236.737	159.776.131.160
310	I. Nợ ngắn hạn		77.867.655.860	58.919.315.091
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	27.583.715.020	23.065.510.384
312	2. Phải trả người bán		22.474.483.948	12.483.582.461
313	3. Người mua trả tiền trước		6.138.346.799	6.007.291.802
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	57.308.978	2.704.027
315	5. Phải trả người lao động		1.046.721.455	1.805.396.451
316	6. Chi phí phải trả	13	13.210.753.071	11.287.720.637
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	6.950.535.843	3.876.454.348
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		405.790.746	390.654.981
330	II. Nợ dài hạn		85.991.580.877	100.856.816.069
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	85.912.584.080	100.777.819.272
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		78.996.797	78.996.797
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.315.425.749	89.147.305.382
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	82.315.425.749	89.147.305.382
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.169.335.000	17.169.335.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(11.243.466)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.047.519.690	2.007.495.080
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.543.003.763	2.522.991.459
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		555.567.296	7.458.727.309
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		246.174.662.486	248.923.436.542

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		153.437,72	73.099,77

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		81.340.624.453	107.686.881.018
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	81.340.624.453	107.686.881.018
11	4. Giá vốn hàng bán	18	82.299.637.551	97.824.862.340
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(959.013.098)	9.862.018.678
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	194.696.032	1.065.685.272
22	7. Chi phí tài chính	20	2.778.056.331	5.559.323.436
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.666.302.391	4.078.655.770
24	8. Chi phí bán hàng		315.284.940	332.861.285
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.003.920.968	2.691.551.772
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.861.579.305)	2.343.967.457
31	11. Thu nhập khác		153.739.635	3.404.099
32	12. Chi phí khác		9.268.664	501
40	13. Lợi nhuận khác		144.470.971	3.403.598
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.717.108.334)	2.347.371.055
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	586.842.764
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(6.717.108.334)</u>	<u>1.760.528.291</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	(1.120)	293

Trần Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng

Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		81.874.811.702	110.450.954.778
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(88.071.156.750)	(72.614.703.843)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.069.953.761)	(12.773.842.077)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.233.221.196)	(3.928.729.641)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(73.040.456)	(394.269.651)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.123.912.531	2.206.025.264
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.421.335.870)	(3.792.490.601)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.869.983.800)	19.152.944.229
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.946.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		198.178.349	457.696.455
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		175.232.349	457.696.455
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.060.244.636	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.407.275.192)	(12.129.997.448)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.347.030.556)	(12.129.997.448)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.041.782.007)	7.480.643.236
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		21.055.054.619	10.655.667.684
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(24.903.171)	(5.412.889)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	5.988.369.441	18.130.898.031

Trần Thị Kim Lan

Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng

Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy.

Trụ sở chính của Công ty: Số 01 Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng chẵn). Tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có chi nhánh sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 11A Lầu 1 - Hoàng Diệu - Phường 12 Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200387594 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 06 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.024.056.975	927.111.289
Tiền gửi ngân hàng	4.964.312.466	3.127.943.330
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
	5.988.369.441	21.055.054.619

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	26.705.354
Phải thu về chi phí khắc phục sự cố tàu	-	7.039.233.711
Phải thu khác	200.000	752.000
	200.000	7.066.691.065

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.468.086.043	13.531.663.667
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.468.086.043	13.531.663.667

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	413.279.179	340.238.723
	413.279.179	340.238.723

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	615.712.059	929.622.682
	615.712.059	929.622.682

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	268.597.433.004	107.984.821	268.705.417.825
Số tăng trong kỳ	-	22.946.000	22.946.000
- Mua sắm mới	-	22.946.000	22.946.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	268.597.433.004	130.930.821	268.728.363.825
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	75.246.165.931	107.984.821	75.354.150.752
Số tăng trong kỳ	8.748.683.808	1.443.376	8.750.127.184
- Trích khấu hao	8.748.683.808	1.443.376	8.750.127.184
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	83.994.849.739	109.428.197	84.104.277.936
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	193.351.267.073	-	193.351.267.073
Số dư cuối kỳ	184.602.583.265	21.502.624	184.624.085.889

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	7.255.296.000	27.313.900	7.282.609.900
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.255.296.000	27.313.900	7.282.609.900
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	27.313.900	27.313.900
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	27.313.900	27.313.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	7.255.296.000	-	7.255.296.000
Số dư cuối kỳ	7.255.296.000	-	7.255.296.000

Tại thời điểm 30/06/2012, giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất B2 Tại khu đô thị mới Ngã 5 - Sân Bay Cát Bi với nguyên giá là 7.255.296.000 VND đã được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn theo hợp đồng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, Hải Phòng.

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	106.792.060	-
Số tăng trong kỳ	2.812.202.561	106.792.060
Số dư cuối kỳ	2.918.994.621	106.792.060
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.918.994.621	106.792.060
- Sửa chữa tàu Transco Star	1.534.795.691	106.792.060
- Sửa chữa tàu Hà Tây	1.384.198.930	-
	2.918.994.621	106.792.060

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.060.244.636	-
- Vay ngân hàng	1.365.244.636	-
- Vay cá nhân	1.695.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	24.523.470.384	23.065.510.384
	27.583.715.020	23.065.510.384
Chi tiết vay ngắn hạn		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng ⁽¹⁾	1.365.244.636	-
Vay cá nhân ⁽²⁾	1.695.000.000	-
	3.060.244.636	-
Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả		
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	24.523.470.384	23.065.510.384
	24.523.470.384	23.065.510.384

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01-Transco/2012 ngày 07 tháng 06 năm 2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 8 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: thanh toán các chi phí lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 07 tháng 06 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2013;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi, định kỳ 1 tháng xác định 1 lần;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Transco Sun trọng tải 7.071 tấn.

(2) Các khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân với lãi suất bằng lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng số 01-Transco/2012 ngày 07 tháng 06 năm 2012 mà Công ty đang giao dịch.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.274.430
Thuế Thu nhập cá nhân	57.308.978	1.429.597
	57.308.978	2.704.027

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.222.792.888	2.789.711.693
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Star	3.240.000.000	2.400.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sun	2.400.000.002	1.600.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Hà Tây	5.040.000.000	3.780.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sky	233.000.000	-
Chi phí phải trả khác	74.960.181	718.008.944
	13.210.753.071	11.287.720.637

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	30.240.000	29.940.000
Phải trả cho Vinaship	1.160.167.326	1.341.454.769
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	1.153.449.259	2.358.721.080
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	127.480.133	127.691.907
Phải trả chi phí khắc phục sự cố tàu	4.423.618.236	-
Phải trả, phải nộp khác	55.580.889	18.646.592
	6.950.535.843	3.876.454.348

15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	85.912.584.080	100.777.819.272
- Vay ngân hàng	85.912.584.080	100.777.819.272
	85.912.584.080	100.777.819.272

Chi tiết vay dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	85.912.584.080	100.777.819.272
	85.912.584.080	100.777.819.272

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Số dư gốc vay dài hạn tại thời điểm 30/06/2012 là 85.912.584.080 đồng, bao gồm hai hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng:

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/HDDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 7 năm (84 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 2,1%/ năm và được xác định 6 tháng một lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu chở hàng khô Hà Tây trọng tải 8.294 DWT, tàu Transco Star và Transco Sky;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.842.860 USD, tương đương với 38.383.088.080 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 671.428 USD, tương đương với 13.984.502.384 đồng.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
- + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi, định kỳ 6 tháng xác định một lần;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay là quyền sử dụng diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 2.282.000 USD, tương đương với 47.529.496.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 506.000 USD, tương đương với 10.538.968.000 đồng.

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	60.000.000.000	60.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.047.519.690	2.007.495.080
Quỹ dự phòng tài chính	2.543.003.763	2.522.991.459
	<u>4.590.523.453</u>	<u>4.530.486.539</u>

17 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/06/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/06/2011</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	81.340.624.453	107.686.881.018
	<u>81.340.624.453</u>	<u>107.686.881.018</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/06/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/06/2011</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	82.299.637.551	97.824.862.340
	<u>82.299.637.551</u>	<u>97.824.862.340</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	171.472.995	511.817.003
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	23.223.037	553.868.269
	194.696.032	1.065.685.272

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.666.302.391	4.078.655.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	111.753.940	1.480.667.666
	2.778.056.331	5.559.323.436

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.717.108.334)	2.347.371.055
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(6.717.108.334)	2.347.371.055
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	586.842.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	586.842.764

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(6.717.108.334)	1.760.528.291
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.717.108.334)	1.760.528.291
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.120)	293

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.988.369.441	-	21.055.054.619	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.628.137.870	(185.771.630)	11.772.297.963	(185.771.630)
Cộng	12.616.507.311	(185.771.630)	32.827.352.582	(185.771.630)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	113.496.299.100	123.843.329.656
Phải trả người bán, phải trả khác	29.425.019.791	16.360.036.809
Chi phí phải trả	13.210.753.071	11.287.720.637
	156.132.071.962	151.491.087.102

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	27.583.715.020	85.912.584.080	-	113.496.299.100
Phải trả người bán, phải trả khác	29.425.019.791	-	-	29.425.019.791
Chi phí phải trả	13.210.753.071	-	-	13.210.753.071
Cộng	70.219.487.882	85.912.584.080	-	156.132.071.962
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	23.065.510.384	100.777.819.272	-	123.843.329.656
Phải trả người bán, phải trả khác	16.360.036.809	-	-	16.360.036.809
Chi phí phải trả	11.287.720.637	-	-	11.287.720.637
Cộng	50.713.267.830	100.777.819.272	-	151.491.087.102

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động vận tải biên	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	62.752.513.406	18.588.111.047	81.340.624.453
Chi phí trực tiếp	64.542.175.888	17.757.461.663	82.299.637.551
Chi phí phân bổ	-	-	5.758.095.236
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.789.662.482)	830.649.384	(6.717.108.334)
Tài sản bộ phận	198.605.375.988	-	198.605.375.988
Tài sản không phân bổ	-	-	47.569.286.498
Tổng tài sản			246.174.662.486
Nợ phải trả của các bộ phận	110.436.054.464	-	110.436.054.464
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	53.423.182.273
Tổng nợ phải trả			163.859.236.737

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm hoạt động vận tải quốc tế và hoạt động vận tải nội địa. Tuy nhiên, hoạt động vận tải quốc tế chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ các hoạt động của toàn Công ty.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
- Hội đồng quản trị	57.000.000	69.000.000
- Ban Giám đốc	174.670.538	235.179.232

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối doái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	60.000.000.000	17.169.335.000	-	(11.243.466)	2.007.495.080	2.522.991.459	7.458.727.309	89.147.305.382
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(6.717.108.334)	(6.717.108.334)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	40.024.610	20.012.304	(60.036.914)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(126.014.765)	(126.014.765)
Tăng khác	-	-	-	11.243.466	-	-	-	11.243.466
Số dư cuối kỳ này	60.000.000.000	17.169.335.000	-	-	2.047.519.690	2.543.003.763	555.567.296	82.315.425.749

Theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 26 tháng 05 năm 2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	400.246.097
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	40.024.610
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	20.012.304
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31,48%	126.014.765
Lợi nhuận chưa phân phối	53,52%	214.194.418

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	18.000.000.000	30,00%	18.000.000.000	30,00%
Vốn góp của đối tượng khác	42.000.000.000	70,00%	42.000.000.000	70,00%
	60.000.000.000	100%	60.000.000.000	100%